

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/DS-ST
Ngày 30/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh
Ông Chu Quốc Đạt

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2024/QĐXXST-DS ngày 29/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2024/QĐST-DS ngày 14/9/2024, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn 4, xã NH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ **Bị đơn:** Bà Vũ Thị Tr, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn D, xã NH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Bùi Văn L, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn D, xã NH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do quen biết nên bà Vũ Thị Tr đặt vấn đề với bà vay tiền để chăn nuôi gia súc, gia cầm, bà nhất trí. Sau đó bà cho bà Tr vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Ngày 05/01/2018, vay 50.000.000đồng, thời hạn vay 60 ngày từ 05/01/2018 đến ngày 05/01/2019, lãi suất 1,2%/tháng.

Ngày 20/11/2018, vay 100.000.000đồng, thời hạn vay từ 20/11/2018 đến 20/12/2018, lãi suất 1,2%/tháng.

Ngày 28/11/2018, vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay từ 28/11/2018 đến 28/12/2018, lãi suất 1,2%/tháng.

Ngày 29/12/2018, vay 250.000.000đồng, thời hạn vay từ 29/12/2018 đến 29/02/2019, lãi suất 1,2%/tháng.

Ngày 02/01/2019, vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay từ 02/01/2019 đến 02/3/2019, lãi suất 1,2%/tháng.

Ngày 07/3/2019, vay 100.000.000đồng, thời hạn vay từ 07/3/2019 đến 09/5/2019, lãi suất 1,2%/tháng.

Ngày 10/3/2020, vay 470.000.000đồng, thời hạn vay từ 10/3/2019 đến 10/5/2020, lãi suất 1,2%/tháng.

Ngày 11/3/2020, vay 35.000.000đồng, thời hạn vay từ 11/3/2020 đến 11/5/2020, lãi suất 1,2%/tháng.

Ngày 23/3/2020, vay 200.000.000đồng, thời hạn vay từ 23/3/2020 đến 23/5/2020, lãi suất 1,2%/tháng.

Ngày 03/7/2020, vay 220.000.000đồng, thời hạn vay từ 03/7/2020 đến 03/9/2020, lãi suất 1,2%/tháng.

Ngày 24/7/2020, vay 140.000.000đồng, thời hạn vay từ 24/7/2020 đến 24/8/2020, lãi suất 1,2%/tháng.

Ngày 12/9/2020, vay 269.080.000đồng, thời hạn vay từ 12/9/2020 đến 12/11/2020, lãi suất 1,2%/tháng.

Ngày 16/12/2020, vay 329.500.000đồng, thời hạn vay từ 16/12/2020 đến 16/02/2021, lãi suất 1,2%/tháng.

Tổng cộng bà Tr vay 13 lần với tổng số tiền là 2.313.500.000đồng tiền gốc. Tính đến ngày 25/6/2024, tổng gốc và lãi còn nợ là 2.894.169.800 đồng (số tiền lãi bà Tr đã trả là 907.200.000 đồng, số tiền lãi còn nợ là 580.669.800 đồng).

Sau khi thỏa thuận, đối chiếu với bà Tr thì bà yêu cầu vợ chồng bà Tr, ông L phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 1.715.000.000đồng và 411.600.000đồng tiền lãi.

Bị đơn bà Vũ Thị Tr trình bày:

Bà có vay nợ của bà Nguyễn Thị H, tuy nhiên, do vay nhiều mã nên bà không rõ tổng số nợ bao nhiêu. Sau khi đối chiếu, thỏa thuận với bà H, bà đã nhận còn nợ của bà H số tiền gốc là 1.715.000.000đồng và tính lãi từ năm 2022 tổng số 32 tháng với số tiền 411.600.000đồng bà đồng ý, đề nghị được thanh toán làm nhiều lần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn L đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ. Ông L không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà:

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu vợ chồng bà Tr ông L phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 1.715.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 411.600.000 đồng. Yêu cầu tính lãi chậm thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi vợ chồng bà Tr trả hết nợ với mức lãi suất 0,75%/tháng.

+ Bị đơn bà Vũ Thị Tr, ông Bùi Văn L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc vợ chồng bà Vũ Thị Tr, ông Bùi Văn L phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.126.600.000đ (hai tỷ một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) gồm nợ gốc là 1.715.000.000 đồng, tiền lãi là 411.600.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

- Về yêu cầu kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Lạng Giang. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà H khởi kiện đòi tiền cho vay theo hợp đồng vay tiền. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự,.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử theo thủ tục chung.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: Bà Tr vay tiền của bà H nhiều lần, lần cuối cùng thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 16/2/2021 nhưng bị đơn không trả, không có tài liệu, chứng cứ gì về việc các bên có thỏa thuận gì về việc gia hạn trả nợ. Do đó, đến hết ngày 16/02/2024 là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên, cho đến thời điểm trước HĐXX sơ thẩm ra bản án, không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4]. Xét yêu cầu trả số tiền gốc:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền bà Tr phải trả là 1.715.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, buộc vợ chồng bà Tr phải trả số tiền nợ gốc 1.715.000.000 đồng.

HĐXX thấy rằng: Bà Tr có vay tiền của bà H là có thật, thể hiện bằng các giấy vay tiền có ký nhận của bị đơn. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã thừa nhận còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu. Do đó, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Tr, ông L cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền trên là có căn cứ là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận.

[5]. Về số tiền lãi: Tại hợp đồng vay tiền do nguyên đơn giao nộp không thể hiện lãi suất cho vay. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn đều xác định việc vay nợ có lãi và thống nhất số lãi vợ chồng bà Tr phải trả tính đến ngày xét xử là 411.600.000 đồng (9%/năm). Các đương sự thỏa thuận lãi suất như trên là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên vợ chồng bà Tr, ông L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 184, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Buộc vợ chồng bà Vũ Thị Tr, ông Bùi Văn L phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.126.600.000 đồng (hai tỷ một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) gồm nợ gốc là 1.715.000.000 đồng, tiền lãi là 411.600.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

2. Về án phí:

- Vợ chồng bà Vũ Thị Tr, ông Bùi Văn L phải chịu số tiền 74.532.000đ (bảy mươi bốn triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả bà Nguyễn Thị H số tiền 45.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007670 ngày 01 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ngừ